

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, KHU VỰC
HÀNG HẢI THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH GIA LAI, TỈNH ĐẮK LẮK VÀ KHU
VỰC QUẢN LÝ CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUY NHƠN
(Ban hành kèm theo
Nội quy cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn)

I. BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đồng Đa.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
QN1	13°45'05,7"	109°17'08,5"	13°45'12,0"	109°17'15,0"	Mũi Yến
QN2	13°45'15,7"	109°19'53,5"	13°45'12,0"	109°20'00,0"	Phía biển
QN3	13°41'09,7"	109°19'53,5"	13°41'06,0"	109°20'00,0"	Phía biển
QN4	13°41'09,7"	109°14'59,5"	13°41'06,0"	109°15'06,0"	Hòn đất
QN5	13°41'18,7"	109°13'51,5"	13°41'15,0"	109°13'58,0"	Phía bờ
QN6	13°49'00,7"	109°13'29,5"	13°48'57,0"	109°13'36,0"	Phía bờ
QN7	13°48'45,7"	109°14'56,5"	13°48'42,0"	109°15'03,0"	Phía bờ

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai tại khu vực Phù Mỹ - Hoài Nhơn.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
PM1	14°27'03,7"	109°07'05,5"	14°27'00,0"	109°07'12,0"	Phía bờ
PM2	14°27'03,7"	109°15'53,5"	14°27'00,0"	109°16'00,0"	Phía biển
PM3	14°12'03,7"	109°15'59,5"	14°12'00,0"	109°16'06,0"	Phía biển
PM4	14°12'03,7"	109°10'59,5"	14°12'00,0"	109°11'06,0"	Phía bờ

3. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk tại khu vực Vung Rô - Bãi Gốc.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
VR1	12°56'57,7"	109°25'35,6"	12°56'54,0"	109°25'42,0"	Phía bờ
VR2	12°58'03,7"	109°26'17,6"	12°58'00,0"	109°26'24,0"	Phía Nam Hòn Cô

VR3	12°58'03,7"	109°32'53,6"	12°58'00,0"	109°33'00,0"	Phía biển
VR4	12°49'57,7"	109°32'53,6"	12°49'54,0"	109°33'00,0"	Phía biển
VR5	12°49'57,7"	109°23'47,6"	12°49'54,0"	109°23'54,0"	Hòn Nưa
VR6	12°50'43,7"	109°23'20,6"	12°50'40,0"	109°23'27,0"	Phía bờ

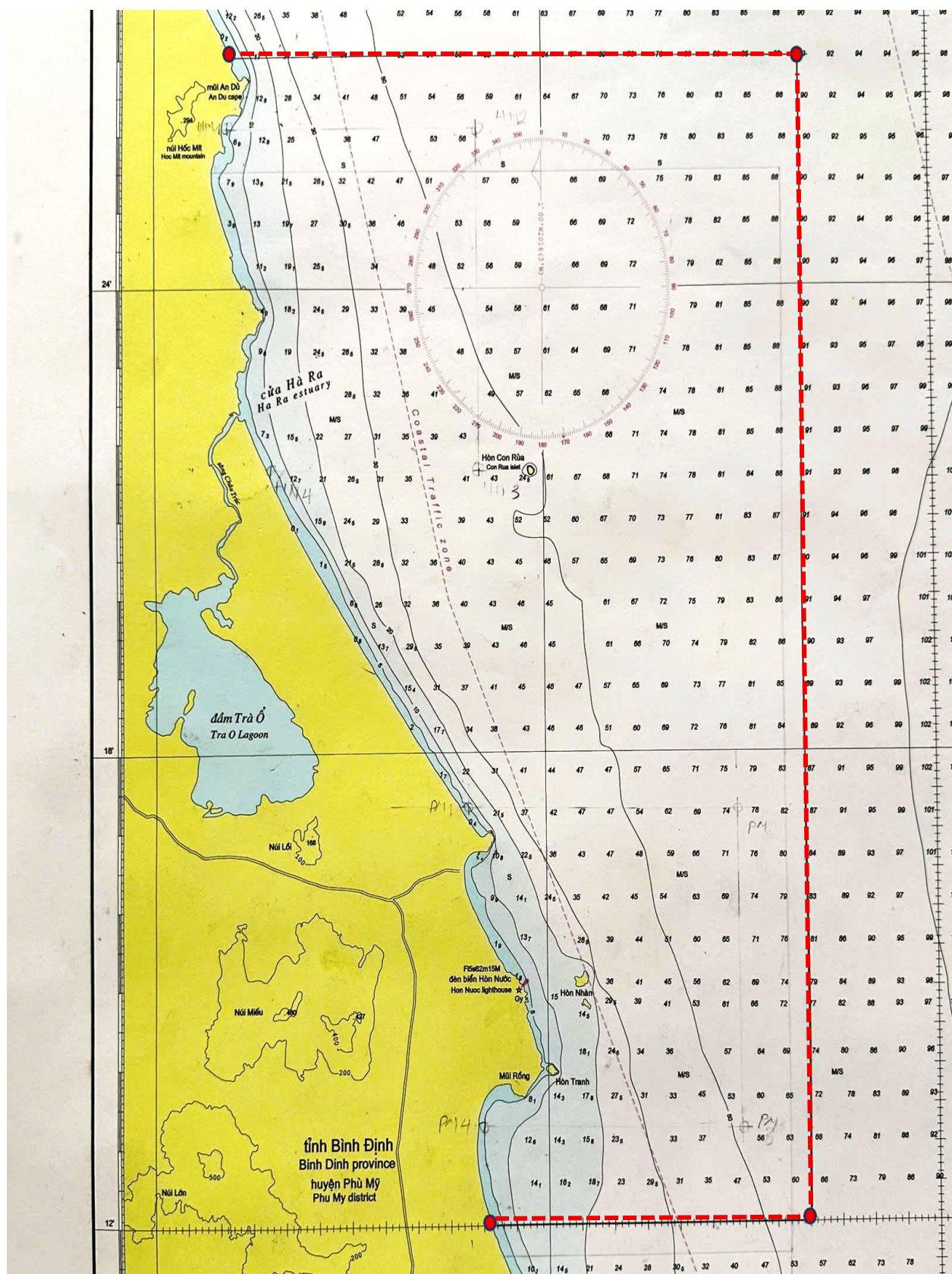
4. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk tại khu vực vịnh Xuân Đài.

Vị trí	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
XD1	13°27'52,0"	109°19'34,0"	13°27'48,0"	109°19'42,0"	Mũi Ông Diên
XD2	13°17'16,0"	109°19'34,0"	13°17'12,0"	109°19'42,0"	Cù Lao Mái Nhà
XD3	13°15'22,0"	109°18'53,0"	13°15'18,0"	109°19'00,0"	Phía bờ
XD4	13°21'27,7"	109°15'51,5"	13°21'24,0"	109°15'58,0"	Phía bờ
XD5	13°21'27,7"	109°15'45,5"	13°21'24,0"	109°15'52,0"	Phía bờ
XD6	13°25'46,0"	109°14'11,0"	13°25'42,0"	109°14'18,0"	Phía bờ
XD7	13°25'46,0"	109°15'23,0"	13°25'42,0"	109°15'30,0"	Phía bờ

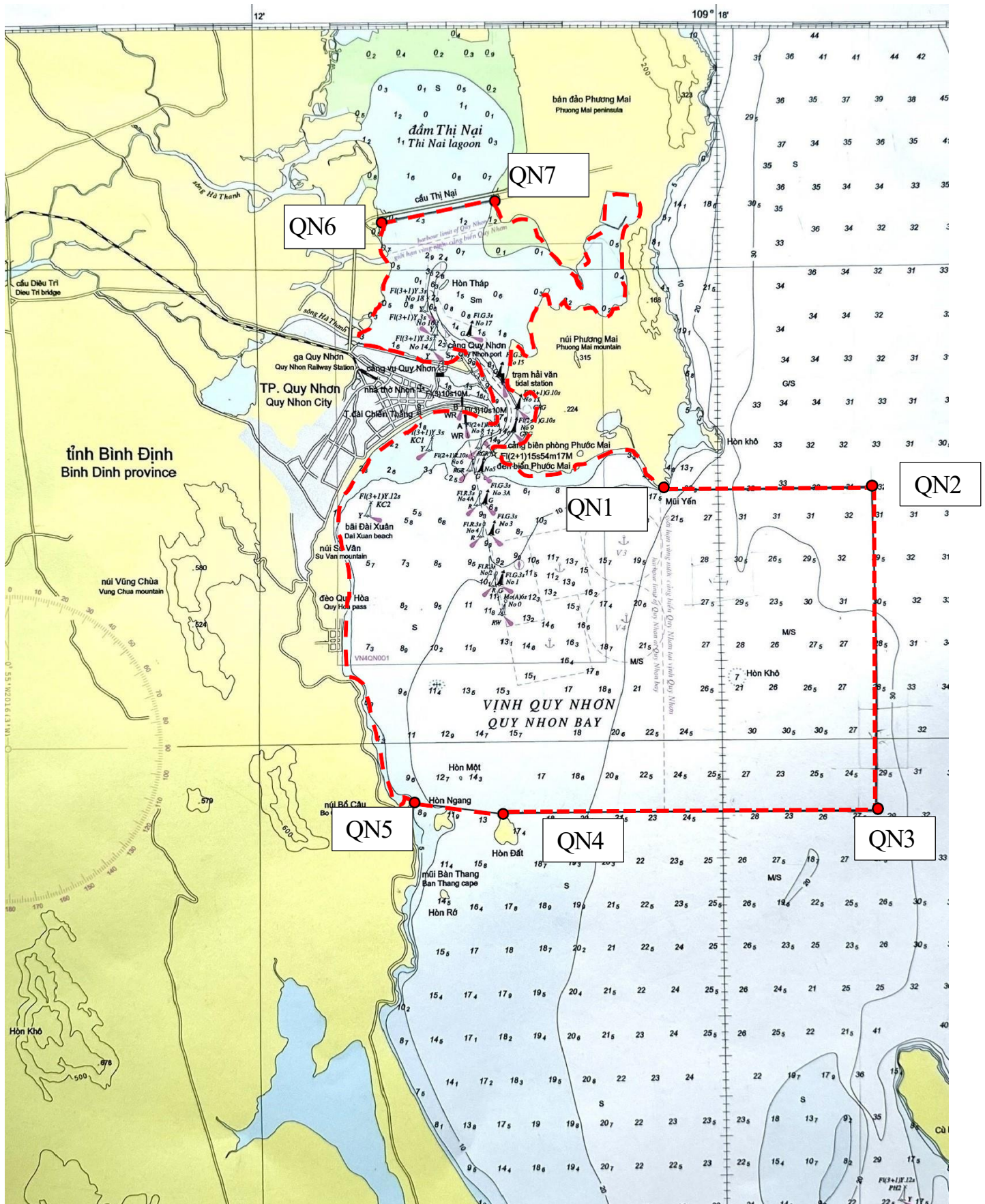
(Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2025/TT-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

II. SƠ ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

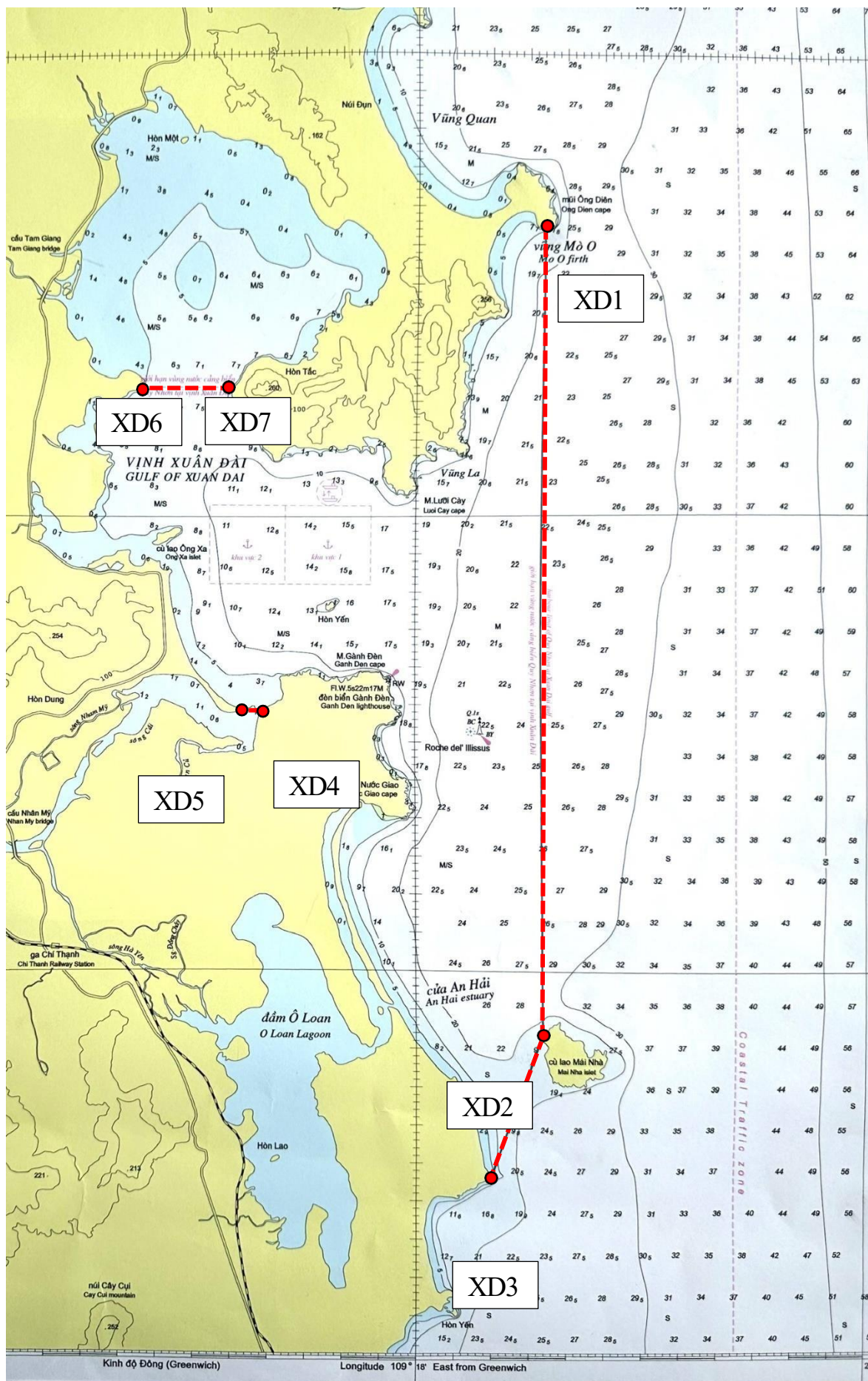
1. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai tại khu vực Phù Mỹ - Hoài Nhơn.



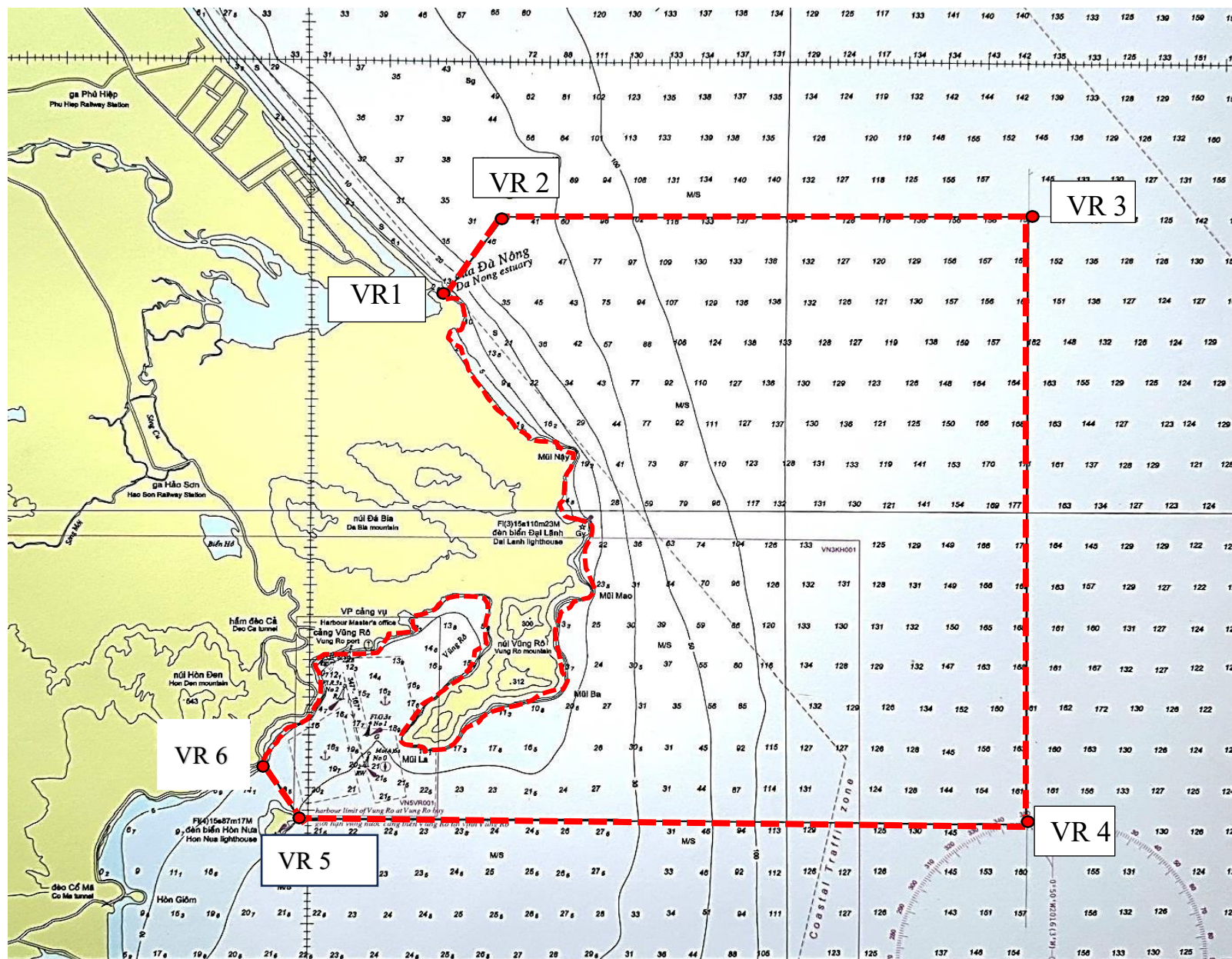
2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Gia Lai tại khu vực Quy Nhơn - Thị Nại - Đồng Đa.



3. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk tại khu vực vịnh Xuân Đài.



4. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Đắk Lắk tại khu vực Vũng Rô - Bãi Gốc.



VÙNG ĐÓN TRẢ HOA TIÊU, VÙNG KIỂM DỊCH, KHU NEO ĐẬU

I CẢNG BIỂN BÌNH ĐỊNH				
1	Vùng đón trả hoa tiêu Quy Nhơn	Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P1: 13 ⁰ 44'35.7"N; 109 ⁰ 14'53.5"E. P2: 13 ⁰ 44'41.2"N; 109 ⁰ 15'22.5"E. P3: 13 ⁰ 43'36.7"N; 109 ⁰ 15'35.5"E. P4: 13 ⁰ 43'31.7"N; 109 ⁰ 15'05.5"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời các bến cảng, khu neo đậu, chuyển tải thuộc vùng nước cảng biển Quy Nhơn.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
2	Vùng kiểm dịch Quy Nhơn	Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P1: 13 ⁰ 44'35.7"N; 109 ⁰ 14'53.5"E. P2: 13 ⁰ 44'41.2"N; 109 ⁰ 15'22.5"E. P3: 13 ⁰ 43'36.7"N; 109 ⁰ 15'35.5"E. P4: 13 ⁰ 43'31.7"N; 109 ⁰ 15'05.5"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảnh, xuất cảnh tại vùng nước cảng biển Quy Nhơn.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3 Các khu neo đậu, chuyển tải				
3.1	Khu neo đậu tại đầm Thị Nại	Phạm vi khu neo đậu được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A9.1, A10 và A11, trong đó bao gồm các khu vực neo đậu được giới hạn bởi các điểm B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B9, B10, B11, B12, B13, B14. Vì lý do mặt bằng quy hoạch cho khu neo tương đối phức tạp, cần nhiều điểm nổi như trên để hình thành tổng thể khu neo, do đó, tọa độ các điểm không chi tiết phạm vi khu neo đậu tại đầm Thị Nại chi tiết xem tại Bản vẽ QH-01 kèm theo Phụ lục này.	Phục vụ cho tàu thuyền có trọng tải đến 3.000 DWT ra, vào neo đậu, chờ, đợi cầu, đợi luồng, chờ làm thủ tục và kết hợp tránh trú bão.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 1886 /QĐ-CHHVN ngày 20/11/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại vùng nước Cảng biển Quy Nhơn</i>
3.2	Khu neo đậu tại Vịnh Làng Mai	Phạm vi khu neo đậu được giới hạn bởi các điểm C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, C8 và C9. Vì lý do mặt bằng quy hoạch cho khu neo	Phục vụ chung cho tàu thuyền có trọng tải đến 70.000 DWT ra, vào	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 1886 /QĐ-CHHVN ngày 20/11/2019 của Cục</i>

		trương đối phức tạp, cần nhiều điểm nổi như trên để hình thành tổng thể khu neo, do đó, tọa độ các điểm không chế phạm vi khu neo đậu tại đầm Thị Nại chi tiết xem tại Bản vẽ QH-02 kèm theo Phụ lục này.	neo đậu, chờ, đợi cầu, đợi luồng, chờ làm thủ tục và kết hợp tránh bão.	<i>Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại vùng nước Cảng biển Quy Nhơn</i>
3.3	Khu neo đậu chờ làm hàng cho tàu có trọng tải trên 1.500 DWT	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 100m, với tâm tại vị trí V1 có tọa độ: 13°47'03.7"N; 109°14'53.5"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3.4	Khu neo đậu chờ làm hàng cho tàu có trọng tải dưới 1.500 DWT	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 100m, với tâm tại vị trí V2 có tọa độ: 13°46'18.7"N; 109°15'23.5"E	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3.5	Khu neo đậu, chuyển tải cho tàu Lash	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí V3 có tọa độ: 13°43'33.7'' N; 109°16'38.5''E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chuyển tải.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3.6	Khu neo đậu cho tàu làm hàng nguy hiểm.	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí V4 có tọa độ: 13°44'33.7'' N; 109°16'38.5'' E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có mớn nước, trọng tải phù hợp làm hàng nguy hiểm.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>

II CẢNG BIỂN PHÚ YÊN				
Khu vực Cảng biển Vũng Rô				
1	Vùng đón trả hoa tiêu Vũng Rô	Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P5:12°51'03.8"N; 109°24'36.9"E. P6:12°51'8"N; 109°24'58"E. P7:12°50'15"N; 109°24'07"E. P8:12°50'10"N; 109°24'54"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có món nước, trọng tải phù hợp thực hiện dịch vụ hoa tiêu hàng hải để vào, rời các cầu, bến cảng, khu nước, vùng nước thuộc vùng nước cảng biển Vũng Rô.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
2	Vùng kiểm dịch Vũng Rô	Là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P5:12°51'03.8"N; 109°24'36.9"E. P6:12°51'8"N; 109°24'58"E. P7:12°50'15"N; 109°24'07"E. P8:12°50'10"N; 109°24'54"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài thực hiện việc kiểm dịch khi nhập cảng, xuất cảnh tại vùng nước cảng biển Vũng Rô.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3 Các khu neo đậu, chuyển tải				
3.1	Khu neo đậu chờ làm hàng trước Cảng tổng hợp Vũng Rô.	Vùng nước được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm có tọa độ sau đây: V5: 12°52'06.7"N; 109°25'02.5"E. V6: 12°51'18.7"N; 109°25'14.5"E. V7: 12°51'18.7"N; 109°24'38.5"E. V8: 12°52'06.7N; 109°24'29.5"E.	Cho tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có món nước, trọng tải phù hợp neo đậu, chờ làm hàng.	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>

3.2	Khu chuyển tải An Hải	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 1.500m, với tâm tại vị trí V17 có tọa độ: 13°18'40"N; 109°18'42"E.	Dành cho tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền Nước ngoài có trọng tải đến 70.000 DWT	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3.3	Khu chuyển tải Vĩnh Xuân Đài.	Vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 630m, với tâm tại vị trí V9 có tọa độ: 13°24'23,1N; 109°16'43,5"E.	Dành cho tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền Nước ngoài có trọng tải đến 50.000 DWT	<i>Căn cứ tại Quyết định số: 620 /QĐ-CHHVN ngày 03/05/2019 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải và vùng nước trước cầu cảng thuộc Cảng biển Quy Nhơn, Cảng biển Vũng Rô</i>
3.4	Khu neo đậu tại Vĩnh Xuân Đài	Tọa độ giới hạn khu neo đậu tàu tại Vĩnh Xuân Đài, cụ thể: 1. Khu vực 1: Tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P1: 13°24'12.06"N; 109°17'17.48"E. P2: 13°23'09.99"N; 109°17'17.14"E. P3: 13°23'10.34"N; 109°16'07.36"E. P4: 13°24'12.81"N; 109°16'07.69"E. 2. Khu vực 2: Tiếp nhận tàu có trọng tải đến 30.000 DWT là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P3: 13°23'10.34"N; 109°16'07.36"E. P4: 13°23'10.65"N; 109°15'05.88"E. P5: 13°24'13.12"N; 109°15'06.20"E. P6: 13°24'12.81"N; 109°16'07.69"E.	Đáp ứng nhu cầu chờ đợi cầu, đợi luồng cho tàu thuyền vào, rời các bến cảng biển tại khu vực, kết hợp tránh bão nhằm bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường	- Căn cứ tại Quyết định số: 471 /QĐ-CHHVN ngày 07/04/2020 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố khu neo đậu tại Vĩnh Xuân Đài thuộc vùng nước Cảng biển Vũng Rô, tỉnh Phú Yên; - Căn cứ tại Quyết định số: 1722 /QĐ-CHHVN ngày 5/12/2022 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố bổ sung khu neo đậu tại Vĩnh Xuân Đài thuộc vùng nước Cảng biển Vũng Rô, tỉnh Phú Yên.

		3. Khu vực 3: Thiết lập khu neo bổ sung tại Vịnh Xuân Đài tiếp nhận tàu có trọng tải đến 100.000 DWT và các tàu cỡ lớn hơn là khu vực được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ: P1: 13⁰24'12.46"N; 109⁰17'17.48"E. P2: 13⁰24'12.01"N; 109⁰18'44.06"E. P3: 13⁰22'0.08"N; 109⁰18'43.38"E. P4: 13⁰22'7.52"N; 109⁰17'16.81"E.		
--	--	---	--	--